

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HS-ST

Ngày 30/5/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Túy

2. Ông Nguyễn Văn Diệu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2018/HSST ngày 24 tháng 4 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 5 năm 2018 đối với:

Bị cáo Nguyễn Đức M, sinh ngày 18/10/1991; nơi sinh, đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn C, xã A, huyện Q, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; con ông: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1968 và bà: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; vợ: Đã ly hôn (tháng 4/2018); con: Có 01 con sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 108/2015/HSST ngày 09/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Q phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/12/2016, hiện chưa được xóa án tích; nhân thân: Bản án số 39/2011/HSST ngày 29/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện Q phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 9/01/2013 (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giam từ ngày 11/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh B (có mặt).

Người làm chứng:

1. Anh Lê Hùng S (tên gọi khác là Lê Minh Q), sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn QĐ, xã Đ, huyện Q, tỉnh B

2. Anh Trần Văn P, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện Q, tỉnh B
3. Anh Trần Thanh T1, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn HN, xã TC, huyện TT, tỉnh B
4. Anh Phạm Như D1, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn NX, xã TP, huyện TT, tỉnh B
5. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn BN, xã Đ, huyện Q, tỉnh B
6. Anh Nguyễn Đình U', sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện Q, tỉnh B
7. Anh Nguyễn Viết H1, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn M, xã QT, huyện Q, tỉnh B.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng đầu tháng 7 năm 2017, Nguyễn Đức M đi xe mô tô từ nhà lên thị trấn Qc, huyện Q khi đi qua vòng xuyến thuộc địa phận thôn Thượng, xã AT, huyện Q khoảng 200m, M thấy ở lề đường bên phải chiều đi có một túi cao su màu đen, xuống xem thì thấy trong túi có 01 khẩu súng ngắn bằng kim loại màu đen xám có ổ đạn xoay và 03 viên đạn nên đã mang về nhà bà Nguyễn Thị M1, ở cùng thôn Thôn C, xã A, huyện Q (bà M1 là bác dậu của M, gia đình bà M1 đi miền Nam sinh sống, nhà không có người ở giao cho bố mẹ M trông coi giúp). M vào nhà ngang nhà bà M1 lấy súng và đạn ra xem thì thấy là súng và đạn thật, M thử lắp đạn vào ổ đạn nhưng không biết lắp. M bỏ súng và đạn vào túi cao su rồi cho vào một túi vải đen có sẵn trong nhà để vào góc nhà ngang, dùng chổi quét nhà đẩy lên để cất giấu. Khoảng 19 giờ ngày 21/7/2017, M đi xe mô tô đến nhà anh Nguyễn Đình U' ở cùng thôn, là anh họ của M chơi. Đến nơi thấy anh U' đang ngồi chơi cùng anh Nguyễn Viết H1 là bạn của anh U', M vào ngồi chơi được khoảng 10 phút thì anh U', anh H1 đi chơi. Do anh U' để điện thoại ở nhà, M đã sử dụng điện thoại của anh U' chơi điện tử; anh Lê Hùng S(tên gọi khác là Lê Minh Q) gọi đến máy điện thoại của anh U' đòi tiền hộ bạn là Trần Văn P, M và anh S có lời qua tiếng lại, sau đó anh S hện M xuống nhà Trần Văn P để nói chuyện. M đi xe mô tô đến nhà bà M1 lấy khẩu súng (không lấy đạn) cho vào túi vải đen để ở gabaga xe rồi đi đến nhà anh P. M dừng xe ở mé đường đối diện trước cửa nhà anh P khoảng 3m thì thấy anh S cùng bạn là các anh Trần Văn P, Trần Thanh T1, Phạm Như D1, Phạm Văn H đang đứng trước cửa nhà anh Phong. M hỏi "*Thằng nào là Quân ở Đồng Tiến*", Anh S nói: "*Tao là Q, Đ đây*", M quay lại xe mô tô lấy súng, cầm súng bằng tay phải, vừa giơ súng vừa đi khoảng 1-2 bước hướng về phía anh S cùng nhóm

bạn và nói: *“Thằng nào thích đánh nhau thì vào đây”*, nhóm của anh S không ai nói gì, M nói: *“Thích thì ra sân vận động”*. M giờ súng khoảng 15 giây, thấy nhóm của anh S không ai có phản ứng gì, M đi lại phía xe cút súng vào túi vải. Về phía anh U và anh H1, sau khi quay về nhà anh U không thấy điện thoại và được biết M đi đến nhà anh P nên đã đến nhà anh P thì thấy M đang giờ súng đi về phía nhóm của anh P, sau đó quay lại xe mô tô cút súng, đưa điện thoại trả U rồi đi về nhà bà M1 cút súng. Ngày 23/7/2018, M lấy một hộp cao su màu đen có khóa (hộp đựng Micro hát karaoke) của gia đình mang đến nhà bà M1, cho khẩu súng và 3 viên đạn vào hộp, bỏ vào bao xắc rắn màu trắng, xanh bên trong đựng quần áo cũ có sẵn ở nhà bà M1, buộc miệng bao lại để lên gác đỡ ở nhà ngang nhà bà M1.

Ngày 05/01/2018 các anh Pg, Q, D1, H, T1 đã làm đơn trình báo sự việc. Ngày 06/01/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Qtiền hành khám xét khẩn cấp nhà bà Nguyễn Thị M1, thu giữ tại gian nhà ngang nhà bà M1 01 khẩu súng có đặc điểm: Loại súng ngắn bằng kim loại màu đen xám dài 23cm, nòng súng dài 7,5cm, ổ đạn xoay, báng súng ốp gỗ màu nâu, có dòng chữ Made in USA và số 607803; 03 viên đạn đều có hình trụ màu vàng nâu đồng, trong đó có 02 viên đều dài 25mm đáy đạn có số 65; một viên đạn dài 29,5mm đáy đạn có kí hiệu WCC72.

Tại bản kết luận giám định số 116/C54(P3) ngày 08/01/2018 và số 608/C54(P3) ngày 28/02/2018 của Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát kết luận về khẩu súng và 03 viên đạn thu của M như sau:

“Khẩu súng có số, kí hiệu MADE IN USA C607803 ghi thu trong vụ trên gửi đến giám định là súng kiểu ổ quay cỡ nòng 9mm, thuộc vũ khí quân dụng.

03 viên đạn trong đó 02 viên có số 65 là đạn quân dụng cỡ 7,62x25mm; 01 viên có kí hiệu WCC 72 là đạn quân dụng cỡ 9x29,5mm”.

“03 viên đạn trong đó có 01 viên cỡ 9x29,5mm lắp và bắn được bằng khẩu súng quân dụng kiểu ổ quay có số 607803, 02 viên cỡ 7,62x25mm không lắp và bắn được bằng khẩu súng này.

Khẩu súng quân dụng kiểu ổ quay có số 607803 trên không bắn ra các đầu đạn, vỏ đạn trong các vụ án trước hiện lưu ở Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an”

Tại phiên tòa bị cáo khai: Sau khi nhặt được khẩu súng và 03 viên đạn vào khoảng đầu tháng 7/2017, bị cáo đã đem súng và đạn về nhà bà Nguyễn Thị M1 ở cùng thôn cất giấu, mục đích khi cần thiết mang ra đe dọa để phòng thân. Ngày 21/7/2017 M đã mang súng (không mang đạn) ra đe dọa các anh P, Q, D1, H, T1. Bản thân M biết đó là súng và đạn thật nhưng không biết lắp đạn vào súng và không biết sử dụng súng.

Bản cáo trạng số 43/CT-VKSQP ngày 24/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Đức M về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 230 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Đức M về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 230, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 45 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, phạt bị cáo từ 18 đến 21 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu 01 khẩu súng quân dụng kiểu ổ quay có số ký hiệu C607803 và 03 viên đạn quân dụng chuyển cho Ban chỉ huy Quân sự huyện Q, tỉnh B để xử lý theo quy định; tịch thu để tiêu hủy 01 hộp cao su màu đen thu của bị cáo. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng, nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận đã nhặt được 01 khẩu súng và 03 viên đạn, biết đó là súng và đạn thật nhưng vẫn mang về nhà bà Nguyễn Thị M1 cất giấu để phòng thân. Bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với vũ khí quân dụng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng biên bản khám xét và niêm phong vật chứng, sơ đồ nơi bị cáo cất giấu súng và đạn do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập ngày 06/01/2018, lời khai của những người làm chứng, bản kết luận giám định cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 7 năm 2017 đến ngày 06/01/2018, Nguyễn Đức M đã có hành vi cất giấu 01 khẩu súng và 03 viên đạn đều là vũ khí quân dụng tại gian nhà ngang của bà Nguyễn Thị M1 ở Thôn C, xã A, huyện Q, tỉnh B. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 230 Bộ luật hình sự năm 1999.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 230 Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Về áp dụng pháp luật: Thời điểm truy tố, xét xử bị cáo Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật, theo quy định tại Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng quy định về hình phạt nặng hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999, do đó để đảm bảo tính có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo về tội danh và quyết định hình phạt; về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bộ luật hình sự năm 2015 không có gì khác so với Bộ luật hình sự năm 1999, do đó áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Vũ khí quân dụng có tính sát thương đặc biệt nghiêm trọng, do đó pháp luật quy định vũ khí quân dụng thuộc quyền quản lý độc quyền của Nhà nước; cá nhân, tổ chức được Nhà nước cấp phép mới được quản lý và sử dụng. Mặc dù hiểu được quy định đó nhưng khi nhặt được súng và đạn, biết đây là súng và đạn thật nhưng bị cáo vẫn mang đi cất giấu và mang đi đe dọa người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội đánh bạc với mức hình phạt 09 tháng tù chưa được xóa án tích lại phạm tội mới, do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt đã phân tích trên thấy, bị cáo đã có tiền án về tội đánh bạc, có nhân thân xấu, năm 2011 bị xét xử và kết án về tội cố ý gây thương tích, đã được pháp luật giáo dục, cải tạo nhưng vẫn không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội, điều đó

thể hiện ý thức coi thường pháp luật, vì vậy cần lên một mức án tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra và việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội trong thời gian chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 230 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm*”, như vậy bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra quản lý của bị cáo 01 khẩu súng và 03 viên đạn, kết quả giám định kết luận là vũ khí quân dụng, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q đã bàn giao cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện Q quản lý theo quy định của pháp luật, cần tịch thu giao cho Ban Chỉ huy quân sự huyện Q xử lý là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị định số 26/2012/NĐ-CP ngày 05/4/2012 của Chính Phủ quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; đối với 01 hộp cao su màu đen kích thước (30x16x10)cm bị cáo dùng để đựng súng và đạn, đây không phải là vũ khí quân dụng, giá trị sử dụng không đáng kể cần tịch thu để tiêu hủy là có căn cứ.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức M phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”

- Áp dụng khoản 1 Điều 230, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, các Điều 45; 33 Bộ luật hình sự năm 1999, phạt bị cáo Nguyễn Đức M 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11 tháng 01 năm 2018.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu số vũ khí quân dụng quản lý của bị cáo gồm 01

khẩu súng kiểu ổ quay có số, ký hiệu MADE IN USA C607803 và 03 viên đạn trong đó 02 viên có số 65 cỡ 7,62x25mm; 01 viên có ký hiệu WCC 72 cỡ 9x29,5mm giao cho Ban Chỉ huy quân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử lý theo quy định của pháp luật (đặc điểm chi tiết như 02 biên bản bàn giao vũ khí và xử lý vô hiệu đạn c5 thu hồi giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện và Ban Chỉ huy Quân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 15/5/2018); tịch thu để tiêu hủy 01 hộp cao su màu đen kích thước (30x16x10)cm thu của bị cáo Nguyễn Đức M (đặc điểm chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 15/5/2018).

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Đức M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- CQ THAHS Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- BCH Quân sự huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Liên (đã ký)